

Tp. Kon Tum, ngày 18 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 211, 212 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh – thương mại thụ lý số 21/2024/TLST- KDTM ngày 18/6/2024.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ;

Địa chỉ: T, số A T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Hoài P – Trưởng phòng KHCN - Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K. (theo văn bản ủy quyền số 599/UQ-BIDV.KT ngày 03/6/2024 của Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K)

Địa chỉ: Số A T, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Ông Lê Anh H, sinh năm 1962. Ủy quyền cho bà Vương Thị N, sinh năm 1967 tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/8/2024).

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vương Thị N, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Số B T, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê Anh H trả cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K khoản tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/9/2024 là 4.016.082.583 đồng (bốn tỷ, không trăm mười sáu

triệu, không trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm tám mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 3.715.000.000 đồng; nợ lãi là 301.082.583 đồng (lãi trong hạn 239.403.288 đồng, lãi phạt gốc quá hạn 61.679.295 đồng) và lãi quá hạn tính từ ngày 11/9/2024 cho đến khi ông H trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa ông Lê Anh H và Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K tương ứng với số nợ gốc chậm trả.

Thời hạn trả: Ngày 18/12/2024.

Trong trường hợp đến hạn trả mà ông Lê Anh H không trả hoặc trả không đủ khoản nợ nói trên thì Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 39 (nay là thửa số 49, tờ bản đồ số 72), diện tích 110m<sup>2</sup>, địa chỉ số A T, phường T, thị xã K (nay là số B T, phường T, thành phố K, tỉnh KonTum) đã được UBND tỉnh K cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3601030110, hồ sơ gốc số: 0110 ngày 14/11/2000 đứng tên ông Lê Anh H và bà Vương Thị N để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi, án phí và chi phí tố tụng cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K. (Diện tích đất xác định theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3601030110 do Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp ngày 14/11/2000, hồ sơ gốc số: 0110 đứng tên người sử dụng là ông Lê Anh H và bà Vương Thị N và tài sản trong diện tích đất nêu trên).

**8/ Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí kinh doanh – thương mại sơ thẩm cho bị đơn – ông Lê Anh H.

**9/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:**

Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 ;

Ông Lê Anh H hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K hàng số tiền 1.800.000 đồng (một triệu, tám trăm ngàn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Căn cứ Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Kể từ ngày Quyết định được ban hành và Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chưa trả hoặc trả chưa đầy đủ khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì ông H còn phải trả lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND Tp. Kon Tum;
- Chi cục THADS Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Phương Loan**